

Số: 500/TM-BVTC
V/v Mời chào giá VTYT-HC-SP-Khí y tế

Tân Châu, ngày 26 tháng 11 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Tân Châu có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, khí y tế để đảm bảo đơn vị có cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định của pháp luật với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị báo giá:

1. Tên đơn vị báo giá: Bệnh viện Đa khoa Tân Châu, Địa chỉ số 485, Đường Nguyễn Tri Phương, phường Tân Châu, tỉnh An Giang.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- DS. Võ Thị Kiều Oanh : 083.521.3004

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Các đơn vị báo giá gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về: Phòng VT-TBYT - Bệnh viện Đa khoa Tân Châu. Địa chỉ: số 485, Đường Nguyễn Tri Phương, phường Tân Châu, tỉnh An Giang, gồm 02 bản chính.

- Và đồng thời gửi bản mềm file excel theo địa chỉ email: phongvattuthietbiytebvtc@gmail.com

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: từ ngày ra thông báo đến trước 17h 00 phút ngày 06 tháng 12 năm 2025. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời gian và hiệu lực của báo giá: tối thiểu 180 ngày kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2025.

6. Thông báo yêu cầu báo giá được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Bệnh viện Đa khoa Tân Châu, Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

II. Nội dung của yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa: **Danh mục 1: Hóa chất theo máy;**

Danh mục 2: VTYT-HC-SP-Khí y tế:

(Danh mục đính kèm)

2. Báo giá hợp lệ: Báo giá ghi rõ đơn vị ký và đóng dấu, giá đã bao gồm thuế và chi phí vận chuyển, giao nhận, bảo hành và các chi phí khác (nếu có).

3. Danh mục tài liệu đính kèm: **Quyết định trúng thầu rộng rãi (trong vòng 10 tháng kể từ ngày 06/12/2025) của các mặt hàng nêu trên (nếu có)**

4. Thời gian thực hiện dự kiến: năm 2025-2026.

Bệnh viện Đa khoa Tân Châu trân trọng thông báo. *7/10*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Phòng KHTH đăng website bệnh viện;
Trang đấu thầu điện tử quốc gia.
- Lưu: VT, VT-TBYT.



BSC/KL. Nguyễn Văn No

MẪU BÁO GIÁ

(Kèm Thư mời chào giá số 500/TM-BVTC ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa Tân Châu)

Thông tin Công ty...]

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Tân Châu.

(Cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa Tân Châu, Công ty...hân hạnh gửi đến Quý Bệnh viện bảng báo giá, cụ thể như sau:

1. Báo giá cho mặt hàng, gồm:

Mã SP	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký hiệu, mã hàng hóa	GPLH hoặc PTN, HSCB TIÊU CHUẨN TTBYT	Thông số, tính năng kỹ thuật hoặc tương đương	Hạn dùng/ Ngày sản xuất	Quy cách	Đơn vị tính	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (VAI)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Giá kê khai
Tổng cộng:.....mặt hàng														

2. Bảng báo giá có hiệu lực trong vòng 180 ngày, kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2025

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các vật tư y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trên là trung thực.

Ngày Tháng năm

CÔNG TY....
GIÁM ĐỐC

nhận:
trên;
u: VT.

DANH MỤC 1: HÓA CHẤT THEO MÁY

(Kèm theo Thư mời chào giá số 500/TB-BVTC ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa Tân Châu)

MÃ SẢN PHẨM	TÊN HÀNG HOÁ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT (TỐI THIỂU)	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG 12 tháng
HÓA CHẤT SỬ DỤNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM NƯỚC TIỂU MISSION U120				
G1-1	Que thử nước tiểu 10 thông số	- Que thử nước tiểu cung cấp các xét nghiệm để đo bán định lượng - Gồm 10 thông số: Leukocytes, ketone, nitrite, urobilinogen, bilirubin, glucose, protein, specific gravity, pH, blood trong nước tiểu. - Tương thích với máy nước tiểu Missoion U120. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Test	1,200
HÓA CHẤT SỬ DỤNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM NƯỚC TIỂU COMILYZER 13				
G1-2	Que thử nước tiểu 13 thông số	- Que thử nước tiểu cung cấp các xét nghiệm để đo bán định lượng - Gồm 13 thông số: Leukocytes, ketone, nitrite, urobilinogen, bilirubin, glucose, protein, specific gravity, pH, blood, ascorbic acid, microalbumin, creatinine trong nước tiểu. - Tương thích với máy nước tiểu ComilyZer 13. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Test	300

HÓA CHẤT SỬ DỤNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM NƯỚC TIỂU 14 THÔNG SỐ URIT-500B			
G1-3	Que thử nước tiểu 14 thông số	- Que thử nước tiểu cung cấp các xét nghiệm để đo bán định lượng - Gồm 14 thông số: leukocytes, ketone, nitrite, urobilinogen, bilirubin, glucose, protein, specific gravity, pH, blood, ascorbic acid, microalbumin, calcium và creatinine trong nước tiểu. - Tương thích với máy nước tiểu 14 thông số Urit-500B. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Test 1,000
G1-4	Chất kiểm chuẩn nước tiểu	- Kiểm soát phân tích nước tiểu là một chế phẩm dạng lỏng sẵn sàng sử dụng, hoạt động với máy phân tích nước tiểu và dải thuốc thử nước tiểu phù hợp - Gồm 14 thông số: leukocytes, ketone, nitrite, urobilinogen, bilirubin, glucose, protein, specific gravity, pH, blood, ascorbic acid, microalbumin, calcium và creatinine trong nước tiểu. - Lọ $\geq 8\text{ml}$ - Tương thích với máy nước tiểu 14 thông số - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Hộp 12
HÓA CHẤT SỬ DỤNG CHO MÁY HUYẾT HỌC BC 3600 (HOẶC TƯƠNG THÍCH)			
G1-5	Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	- Hóa chất pha loãng để đo số lượng, kích thước hồng cầu và tiểu cầu. - Tương thích với máy Mindray BC3600 - Thành phần: Sodium Chloride, Sodium sulfate - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	ml 740,000
G1-6	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học để đo Hemoglobin	- Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học nồng độ hemoglobin trong máu. - Tương thích với máy Mindray BC3600 - Thành phần: Sodium Chloride, Buffer - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	ml 16,000

G1-7	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	- Dung dịch rửa hệ thống. - Tương thích với máy BC3600 - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	ml	60,000
G1-8	Hóa chất kiểm chuẩn 3 mức	- Nội kiểm cho máy huyết học 3 thành phần, 3 mức Thấp-Trung-Cao. - Tương thích với máy Mindray BC3600 và máy huyết học Stel 3 - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	ml	90
HOÁ CHẤT, VẬT TƯ SỬ DỤNG CHO MÁY HUYẾT HỌC TỰ ĐỘNG STEL 3				
G1-9	Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	- Dùng làm pha loãng - Tương thích với máy huyết học Stel 3 - Thành phần: NaCl<0.6%, Stabilizer<1.0% and buffer solution - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	ml	200,000
G1-10	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	- Dung dịch ly giải phá vỡ hồng cầu - Tương thích với máy huyết học Stel 3 - Thành phần: Quaternary ammonium salt<10.0%, NaCl<0.15%, Stabilizer<0.12% - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	ml	5,000
G1-11	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học	- Thành phần: Buffer solution<0.3%, Protease<0.2%. - Tương thích với máy huyết học Stel 3 - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	ml	10,000
HOÁ CHẤT, VẬT TƯ SỬ DỤNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC ≥ 26 THÔNG SỐ MEK-9100				
G1-12	Hóa chất pha loãng	- Hóa chất pha loãng để đo số lượng, kích thước hồng cầu và tiểu cầu - Thành phần: Sodium chloride, sulfate - Độ pH: 7,35 - 7,55 - Tương thích với máy huyết học Nihon koden Mek-9100 - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	ml	180,000

G1-13	Hóa chất phá vỡ hồng cầu	- Hóa chất phá vỡ hồng cầu để đo nồng độ hemoglobin trong máu. - Thành phần: Cation surfactant solution - Độ pH: 7,0 - 7,6 - Tương thích với máy huyết học Nihon kodan Mek-9100 - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	ml	3,320
G1-14	Hóa chất phá vỡ hồng cầu (bách phân bạch cầu)	- Hóa chất phá vỡ hồng cầu dùng cho bách phân 5 thành phần bạch cầu - Thành phần: Sodium alkyl ether sulphate - Độ pH: 8,0 - 8,6 - Tương thích với máy huyết học Nihon kodan Mek-9100 - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	ml	3,320
G1-15	Chất kiểm chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức thấp	- Dùng hiệu chuẩn máy - Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu được kích và tiểu cầu của động vật có vú - Lọ 3ml - Tương thích với máy huyết học Nihon kodan Mek-9100 - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Lọ	3
G1-16	Chất kiểm chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức trung bình	- Dùng hiệu chuẩn máy - Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu được kích và tiểu cầu của động vật có vú - Lọ 3ml - Tương thích với máy huyết học Nihon kodan Mek-9100 - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Lọ	3
G1-17	Chất kiểm chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức cao	- Dùng hiệu chuẩn máy - Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu được kích và tiểu cầu của động vật có vú - Lọ 3ml - Tương thích với máy huyết học Nihon kodan Mek-9100 - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Lọ	3

HOÁ CHẤT, VẬT TƯ SỬ DỤNG CHO MÁY ETIMAX 3000 (HOẶC TƯƠNG THÍCH)				
G1-18	Hóa chất xét nghiệm Echinococcus IgG (Sán dây chó)	- Hóa chất tìm kháng thể Echinococcus IgG (Sán dây chó) bằng phương pháp Elisa, thành phần hóa chất tối thiểu gồm: enzyme liên hợp, cơ chất; dung dịch dừng phản ứng, chứng âm, chứng dương. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Test	192
G1-19	Hóa chất xét nghiệm Toxocara IgG (Giun đũa chó, mèo)	- Hóa chất tìm kháng thể Toxocara IgG (Giun đũa chó-mèo) bằng phương pháp Elisa, thành phần hóa chất tối thiểu gồm: enzyme liên hợp, cơ chất; dung dịch dừng phản ứng, chứng âm, chứng dương. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Test	192
HOÁ CHẤT, VẬT TƯ SỬ DỤNG CHO MÁY ĐÔNG MÁU STARMAX				
G1-20	Hóa chất xét nghiệm PT	- Hóa chất xét nghiệm PT trên máy đông máu tự động đã hiệu chuẩn sẵn cho tất cả các lọ hóa chất của mỗi lô. - Thuốc thử 1: chứa thromboplastin đông khô được chiết xuất từ não thỏ. Ngoài ra còn chứa một chất ức chế heparin đặc hiệu. - Thuốc thử 2: dung môi hòa tan có chứa canxi. - Tương thích với máy đông máu STARMAX. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Hộp	4
G1-21	Hóa chất xét nghiệm APTT	- Hóa chất dùng để xác định thời gian Thromboplastin hoạt hóa từng phần(APTT) trong huyết tương, chứa Cephalin từ mô não thỏ, đông khô, dung dịch đệm kaolin (5mg/ml) - Lọ: ≤ 2ml - Xét nghiệm phát hiện điểm đông clothing theo cơ chế từ(cơ học) để hạn chế nhiễu kết quả khi đo mẫu bệnh lý HIL. - Tương thích với máy đông máu STARMAX. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Hộp	4

G1-22	Dung dịch CaCl ₂ 0.025M	- Dung dịch Canxi Clorua 0.025 M dùng cho các xét nghiệm đông máu như thời gian hoạt hóa thromboplastin từng phần (APTT) hay cho các phân tích các yếu tố con đường nội sinh - Tương thích với máy đông máu STARMAX. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Hộp	1
G1-23	Hóa chất kiểm chuẩn 2 mức	- Hóa chất kiểm chuẩn gồm hai mức (bình thường và bệnh lý) cho các thông số: PT, Fibrinogen, APTT và TT. - Tương thích với máy đông máu STARMAX. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Hộp	1
G1-24	Cồng đo xét nghiệm đông máu bán tự động	- Cồng đo chuyên dùng cho máy xét nghiệm đông máu - Tương thích với máy đông máu STARMAX. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Thùng	5
G1-25	Bi từ cho xét nghiệm đông máu bán tự động	- Hộp gồm 1.850 bi - Tương thích với máy đông máu STARMAX. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Gói	1
G1-26	STA-OWREN-KOLLER 24x15ML	- Dung dịch pha loãng cho xét nghiệm đông máu (dung dịch đệm) có pH khoảng 7,35. - Tương thích với máy đông máu STARMAX. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	ml	360
G1-27	Sta unicalibrator	- Huyết tương hiệu chuẩn có nồng độ biết trước (theo từng lô sản xuất) cho các chỉ số xét nghiệm đông máu: PT (%), Owren PT, Fibrinogen, Factor II, V, VII, VIII, IX, X, XI, XII, Protein C, Protein S, ATIII, Plasminogen, Antiplasmin - Tương thích với máy đông máu STARMAX. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	ml	6

HOÁ CHẤT, VẬT TƯ SỬ DỤNG CHO MÁY PHÂN TÍCH ĐỒNG MÁU QUANG HỌC OCG-102				
G1-28	Hóa chất xét nghiệm PT	- Dùng xác định thời gian PT - Tương thích với Máy đồng máu OCG-102 - Dải đo: + PT: 7 ~ 90 giây + INR: 0.5 ~ 9 - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Test	500
G1-29	Hóa chất xét nghiệm APTT	- Dùng xác định thời gian APTT - Tương thích với Máy đồng máu OCG-102 - Dải đo: APTT: 18 ~ 120 giây - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Test	500
HOÁ CHẤT, VẬT TƯ SỬ DỤNG CHO MÁY HbA1C Quo-Lab				
G1-30	Hóa chất xét nghiệm HbA1C	- Hóa chất dùng xét nghiệm HbA1c - Phương pháp: Sắc ký ái lực boronate (Boronate affinity chromatography) - Khoảng đo: 4 - 15% HbA1c (DCCCT) - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Test	300
HOÁ CHẤT, VẬT TƯ SỬ DỤNG CHO MÁY HbA1c HA-1200 - MTI				
G1-31	Hóa chất dùng cho máy HbA1c loại A	- Thuốc thử Eluent A - Thành phần chính: + NaCl 20mmol/L + Phosphate 40mmol/L + Perserver < 0.5ml/L - Tương thích với máy HbA1C HA-1200-MTI - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Túi	14

Handwritten signature/initials

G1-32	Hoá chất dùng cho máy HbA1c loại B	- Thuốc thử Eluent B - Thành phần chính: + NaCl 170mmol/L + Phosphate 40mmol/L + Perserver < 0.5ml/L - Tương thích với máy HbA1C HA-1200-MTI - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Túi	4
G1-33	Dung dịch ly giải hồng cầu	- Thuốc thử Hemolysis - Thành phần chính: + Buffer 20mmol/L + Sodium chloride 20mmol/L + Surfactant 0.05ml/L + Perserver < 0.5 ml/L - Tương thích với máy HbA1C HA-1200-MTI - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Can	4
G1-34	Cột sắc ký	- Cột sắc ký lỏng Chromatographic column - Thành phần chính: Cột làm bằng kim loại không gỉ, trong có màng lọc chuyên dụng, chịu được áp suất cao. - Kích thước: 4.6x30 mm, 5µm - Tương thích với máy HbA1C HA-1200-MTI - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Chiếc	3
G1-35	Cột lọc	- Phin lọc Column filter - Thành phần chính: Phin lọc dạng nhựa, được cấu tạo dạng lưới lọc. - Tương thích với máy HbA1C HA-1200-MTI - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Chiếc	8
G1-36	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HbA1c	- Chất hiệu chuẩn HbA1c - Tương thích với máy HbA1C HA-1200-MTI - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Hộp	2

G1-37	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng HbA1c	- Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng HbA1c - Tương thích với máy HbA1C HA-1200-MTI - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Hộp	4

HOÁ CHẤT, VẬT TƯ SỬ DỤNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HOÁ TỰ ĐỘNG AU480 (HOẶC TƯƠNG THÍCH)

G1-38	GLUCOSE	- Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Glucose - Quy cách: lọ ≥ 50 ml; lọ ≥ 15 ml - Số lượng test tối thiểu/1 mL: ≥ 10 - Tương thích với máy AU480 - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	ml	960
G1-39	URIC ACID	- Hóa chất dùng cho định lượng Uric Acid - Quy cách: lọ ≥ 40ml; lọ ≥ 15ml - Số lượng test tối thiểu/1 mL: ≥ 08 - Tương thích với máy AU480 - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	ml	1,200
G1-40	CHOLESTEROL	- Hóa chất dùng cho định lượng Cholesterol - Quy cách: lọ ≥ 40 mL - Số lượng test tối thiểu/1 mL: ≥ 08 - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	ml	2,160
G1-41	TRIGLYCERIDE	- Hóa chất dùng cho định lượng Trglyceride - Quy cách: lọ ≥ 45ml, lọ ≤ 15 ml - Số lượng test tối thiểu/1 mL: ≥ 08 - Tương thích với máy AU480 - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	ml	1,200

G1-42	LDL-CHOLESTEROL	- Hóa chất dùng cho định lượng LDL- Cholesterol - Quy cách: lọ $\geq 45\text{ml}$, lọ $\geq 15\text{ ml}$ - Số test làm được tối thiểu: ≥ 04 - Tương thích với máy AU480 - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	ml	984
G1-43	Control Serum 1	- Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1 - Lọ $\geq 5\text{ml}$ - Tương thích với máy AU480 - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	ml	200
G1-44	Control Serum 2	- Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2 - Lọ $\geq 5\text{ml}$ - Tương thích với máy AU480 - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	ml	200
G1-45	Roller-Tubing	- Dây bơm nhu động bằng cao su dùng cho máy sinh hóa, dài 10,5cm. - Quy cách: 2 cái/túi - Tương thích với máy AU480 - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Túi	4
G1-46	Ethanol Control level 2	- Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm E thanol mức 2 - Lọ $\geq 5\text{ml}$ - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	ml	100
HOÁ CHẤT, VẬT TƯ SỬ DỤNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH HUỖNH QUANG LUMIPULSE G600				
G1-47	Hóa chất xét nghiệm TSH	- Định lượng hormone kích thích tuyến giáp (TSH) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. - Đóng gói vừa khay hóa chất: 3x14 test/hộp - Tương thích với máy Lumipulse G600. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Test	210

G1-48	Hóa chất xét nghiệm FT3	- Định lượng triiodothyronine tự do (FT3) trong huyết tương hoặc huyết thanh. - Đóng gói vừa khay hóa chất: 3x14 test/hộp - Tương thích với máy Lumipulse G600. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Test	210
G1-49	Hóa chất xét nghiệm FT4	- Định lượng thyroxine tự do (FT4) trong huyết tương hoặc huyết thanh. - Đóng gói vừa khay hóa chất: 3x14 test/hộp - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Test	210
G1-50	Hóa chất xét nghiệm Troponin I	- Định lượng và đo độ nhạy cao Troponin-I tim (cTnI) trong huyết tương hoặc huyết thanh người. - Đóng gói vừa khay hóa chất: 3x14 test/hộp - Tương thích với máy Lumipulse G600. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Test	126
G1-51	Chất hiệu chuẩn Troponin I	- Hiệu chuẩn xét nghiệm Troponin I tim (cTnI) - Tương thích với máy Lumipulse G600. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	ml	15
G1-52	Chất hiệu chuẩn TSH	- Hiệu chuẩn xét nghiệm TSH - Tương thích với máy Lumipulse G600. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	ml	- 9
G1-53	Chất hiệu chuẩn FT3	- Hiệu chuẩn xét nghiệm triiodothyronine tự do (FT3) - Tương thích với máy Lumipulse G600. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	ml	9
G1-54	Chất hiệu chuẩn FT4	- Hiệu chuẩn xét nghiệm thyroxine tự do (FT4) - Tương thích với máy Lumipulse G600. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	ml	9

G1-55	Đầu côn hút mẫu bệnh phẩm	- Sử dụng để hút mẫu bệnh phẩm - Tương thích với máy Lumipulse G600. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Hộp	5
G1-56	Dung dịch cơ chất	- Cơ chất tham gia phản ứng tạo tín hiệu sáng với phức hợp kháng nguyên - kháng thể có gắn men enzyme trong công nghệ miễn dịch enzyme hóa phát quang (CLEIA). - Tương thích với máy Lumipulse G600. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	ml	1,800
G1-57	Dung dịch pha loãng	- Pha loãng mẫu - Thành phần: Chứa NaCl trong dung dịch đệm Tris có protein và chất ổn định hóa học. - Tương thích với máy Lumipulse G600. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	ml	1,920
G1-58	Dung dịch rửa hệ thống	- Dung dịch rửa - Thành phần: Chứa NaCl trong dung dịch đệm Tris có chứa chất tẩy rửa. - Tương thích với máy Lumipulse G600. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	ml	10,000
G1-59	Lọc CO2	- Sử dụng để ngăn chặn sự hư hỏng của dung dịch cơ chất - Thành phần: Ca(OH)₂: 80-85%, NaOH: 1-5%, KOH: 1-5% - Tương thích với máy Lumipulse G600. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Hộp	1
G1-60	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch thường quy, mức nồng độ 1	- Hóa chất Nội kiểm dùng cho xét nghiệm miễn dịch ở mức 1 - Gồm các thông số: AFP, CEA, PTH, T3, T4, FT3, FT4, TSH, ... - Lọ ≥ 5ml - Tương thích với máy Lumipulse G600. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Lọ	8

G1-61	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch thường quy, mức nồng độ 2	- Hóa chất Nội kiểm dùng cho xét nghiệm miễn dịch ở mức 2 - Gồm các thông số: AFP, CEA, PTH, T3, T4, FT3, FT4, TSH, ... - Tương thích với máy Lumipulse G600. - Lọ $\geq 5\text{ml}$ - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Lọ	8
G1-62	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch thường quy, mức nồng độ 3	- Hóa chất Nội kiểm dùng cho xét nghiệm miễn dịch ở mức 3 - Gồm các thông số: AFP, CEA, PTH, T3, T4, FT3, FT4, TSH, ... - Lọ $\geq 5\text{ml}$ - Tương thích với máy Lumipulse G600. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Lọ	8
G1-63	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn tim mạch, mức nồng độ 1	- Hóa chất Nội kiểm dùng cho xét nghiệm tim mạch ở mức 1 - Gồm các thông số: BNP, CK-MB, Troponin I, Troponin T, ... - Lọ $\geq 3\text{ml}$ - Tương thích với máy Lumipulse G600. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Lọ	6
G1-64	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn tim mạch, mức nồng độ 2	- Hóa chất Nội kiểm dùng cho xét nghiệm tim mạch ở mức 2 - Gồm các thông số: BNP, CK-MB, Troponin I, Troponin T, ... - Lọ $\geq 3\text{ml}$ - Tương thích với máy Lumipulse G600. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Lọ	6
G1-65	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn tim mạch, mức nồng độ 3	- Hóa chất Nội kiểm dùng cho xét nghiệm tim mạch ở mức 3 - Gồm các thông số: BNP, CK-MB, Troponin I, Troponin T, ... - Lọ $\geq 3\text{ml}$ - Tương thích với máy Lumipulse G600. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Lọ	6

G1-66	TIPS 300 μ l (960 cái/bộ)	Đầu tip dẫn điện, 300 μ l, khay, 96 tip/khay. - Tương thích với máy Lumipulse G600. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Hộp	1
G1-67	TIPS 1100 μ l (960 cái/bộ)	Đầu tip dẫn điện, 1100 μ l, khay, 96 tip/khay - Tương thích với máy Lumipulse G600. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Hộp	1
HOÁ CHẤT, VẬT TƯ SỬ DỤNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM ION ĐỎ CBS-400				
G1-68	Hóa chất điện giải 5 thông số Na/K/Cl/Ca/Ph	- Hóa chất được dùng để định lượng Na/K/Cl/Ca/Ph trong huyết thanh, huyết tương, nước tiểu - Tương thích với máy CBS-400 - Thành phần gồm: Standard A: ≥ 530 ml Standard B: ≥ 210 ml Rinse Solution: ≥ 220 ml Reference solution: ≥ 310 ml - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	ml	20,320
Tổng cộng: 14 máy				

DANH MỤC 2: VẬT TƯ Y TẾ - HÓA CHẤT – SINH PHẨM – KHÍ Y TẾ

(Kèm theo Thư mời chào giá số 500/TB-BVTC ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa Tân Châu)

STT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	G2-1	Máy đo huyết áp điện tử	- Màn hình LCD kỹ thuật số - Phạm vi đo: + Huyết áp: tâm thu từ 60 tới ≤ 280mm Hg; tâm trương: từ 40 tới ≤ 215mm Hg. + Nhịp tim: từ 40 tới ≤ 200 nhịp/phút - Độ chính xác: + Huyết áp: trong phạm vi ± 3mmHg. + Mạch: trong phạm vi $\pm 5\%$ giá trị đọc - Bộ nhớ: Lưu trữ tối đa ≥ 14 kết quả đo - Thời gian bảo hành ≥ 5 năm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Cái	5
2	G2-2	Bao đo huyết áp máy huyết áp điện tử	- Chất liệu: Cao su y tế, silicone và vải. - Kích thước: 27Cm $\sim$ 35Cm - Bao đo huyết áp tương thích các dòng máy monitor dùng 1 ống dây. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Cái	12
3	G2-3	Giấy điện tim máy 6 cần	- Giấy điện tim 6 cần, đường kẻ rõ nét, lõi tròn bằng nhựa cứng. - Kích thước: 110mm x 30m.	Cuộn	600
4	G2-4	Nhiệt kế, âm kế tự ghi	- Cảnh báo: Đèn báo, âm thanh, chỉ báo trên màn hình - Màn hình hiển thị: có - Kết nối máy tính qua cổng USB máy tính - Thang đo nhiệt độ: -30 đến +70oC (-22 đến +158oF) - Thang đo độ ẩm: 0-100% - Hiển thị Min/Max trên màn hình. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương.	Cái	6

5	G2-5	Nhiệt kế thủy ngân	- Được làm từ thủy tinh trong suốt, bên trong có vạch chia độ và dải thủy ngân. - Dải đo: 35-42°C. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương.	Cái	100
6	G2-6	Bóp bóng người lớn	- Vật liệu: PVC - Dây oxy chất liệu PVC dài khoảng 2m ($\pm 5\%$). Mặt nạ chất liệu PVC, PC hoặc tốt hơn. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương.	Cái	10
7	G2-7	Găng khám sản khoa	- Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột. Tiết trùng. Chiều dài: ≥ 500 mm. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương.	Đôi	1,500
8	G2-8	Bông y tế thấm nước gói 1kg	- Thông số kỹ thuật: chất liệu là 100% cotton tự nhiên, màu sắc trắng tinh khiết, khả năng thấm hút cao và nhanh, đặc điểm mềm mại, mịn màng, không gây kích ứng da và thân thiện với môi trường. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương.	Kg	600
9	G2-9	Tám đệm lót	- Kích thước cơ bản của miếng sản phẩm: 720 x 420 mm (± 10mm) - Nguyên vật liệu: Vải không dệt, hạt siêu thấm, bông cellulose, giấy trắng Silicon, PE và có công nghệ Nano bạc kháng khuẩn để thấm hút nhanh, chống tràn và khử mùi.	Miếng	7,200
10	G2-10	Bao cao su (Bao tránh thai)	- Làm từ cao su thiên - Mềm, dẻo, dai - Không thùng, chảy dính - Không gây kích ứng - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương.	Cái	300

			Sử dụng nguồn điện: 220-240V - 50Hz - Công suất: 0 - 250W - Có núm điều chỉnh tăng giảm cường độ tùy theo loại bệnh điều trị.. - Dây nguồn: ≥ 3.6 m. - Điều chỉnh chiều cao từ 1m-1,7m. - Có định vị xoay linh động đến gần 360 độ. - Đuôi đèn ceramic E27 sử dụng nhiều loại bóng đèn khoảng rộng 30cm + 30cm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/CE (hoặc tương đương)		
11	G2-11	Đèn gù cao 1m7		cái	7
12	G2-12	Dung dịch Acid Acetic 3%	- Acid Acetic - Công thức CH_3COOH - Nồng độ: 3% - Dùng trong sản phụ khoa - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/CE hoặc tương đương	ml	1,000
13	G2-13	Ống nghiệm EDTA K2 nắp cao su	- Làm từ nhựa y tế PP - Kích thước ống: 12 x 75mm, thể tích chứa tối đa 6mL $\pm$ 0.5ml, dễ dàng quan sát thành phần bên trong, chịu lực ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 10 phút. - Hóa chất bên trong: Dipotassium Ethylenediaminetetraacetic acid (EDTA K2) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. - Nắp xanh da trời, có nút cao su. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Ống	16,000
14	G2-14	Đầu col vàng có khóa	- Làm từ nhựa PP - Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước. - Dung tích: 0-200ul, chia vạch (có khóa). - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Cái	10,000

15	G2-15	Lọ nhựa đựng phân PS tiệt trùng	- Bảng nhựa PS, có nắp, có dụng cụ kèm theo để lấy mẫu, cố chất bảo quản mẫu phân. Dung tích khoảng 50ml. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Lọ	2,000
16	G2-16	Giấy in nhiệt dùng cho máy điện giải, nước tiểu	- Kích thước: 57mm x 20m.	Cuộn	200
17	G2-17	Túi máu đơn 250ml	- Dung tích 250ml, để đựng máu toàn phần - Túi chứa sẵn dung dịch chống đông để bảo quản máu toàn phần ≥ 35 ngày ở $4^{\circ}\text{C} \pm 2^{\circ}\text{C}$ - Kim lấy máu có nắp dây - Ống lấy máu dài $\geq 950\text{mm}$, có ≥ 10 dây số ký hiệu trên ống, có kẹp đường lấy máu, kèm kim lấy máu cỡ 16G và có chụp đầu kim an toàn. - Sức bền ly tâm: $\geq 5000\text{g}$ trong 10 phút - Sức bền áp lực: $\geq 0,7 \text{ kg/cm}^2$ - Sức bền nhiệt độ: Trong khoảng -80°C tới $37^{\circ}\text{C} \pm 2^{\circ}\text{C}$ - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương.	Túi	50
18	G2-18	Bộ chuông điện tim	- Điện cực hút ngực, jack $\varnothing 3\text{mm}$ tương thích chuẩn máy điện tim - Núm hình tròn, đường kính núm cao su là 26mm, - Chất liệu:-Niken - Bộ 6 cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/CE hoặc tương đương.	Bộ	4
19	G2-19	Que gòn đựng trong ống nghiệm tiệt trùng từng cái	- Que gòn lấy mẫu bệnh phẩm được thiết kế để thu thập mẫu bệnh phẩm từ vùng cần kiểm tra như âm đạo - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Cái	2,000

20	G2-20	Bộ rửa dạ dày dùng 1 lần các cỡ	Hỗ trợ trong việc súc, rửa dạ dày bằng hệ thống khép kín. Làm từ mủ cao su tự nhiên. Được đóng gói và tiệt trùng riêng lẻ trong từng túi. Size: Nhỏ (22mm) và lớn (28mm). - Tiêu chuẩn: ISO 13485:2017	Bộ	50
21	G2-21	Bình làm ấm Oxy	- Bình tạo ấm khí oxy (Làm sạch bầu không khí): - Dung tích bình làm ấm 180/200/250ml, có tích hợp lưới lọc sục khí. - Chất liệu bình làm ấm: Polycarbonat/ Plastic chịu nhiệt, có thể hấp khử trùng ở nhiệt độ 121 độ C - Có vạch chỉ thị mực nước làm ấm tối thiểu/ tối đa. - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương	Cái	10
22	G2-22	AHG	- Huyết thanh chẩn đoán Anti-Human Globulin để phát hiện in- vitro của lớp phủ kháng thể ở hồng cầu người. - Độ đặc hiệu 100%. - Độ chính xác 100%. - Bảo quản từ 2-8 độ C - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	ml	90
23	G2-23	BỘ HỒNG CẦU MẪU	- Dung dịch trực hồng cầu 5% để định tính nhóm máu gián tiếp- 'Hộp 3x10ml - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	ml	90
24	G2-24	Test nhanh Syphilis	- Định tính phát hiện các kháng thể IgG&IgM anti-TP trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương. - Dạng: Card/Khay - Độ nhạy : $\geq 99\%$ - Độ đặc hiệu : $\geq 99\%$ - Độ chính xác: $\geq 99\%$ - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Test	800

25	G2-25	Test thử ma túy tổng hợp 5 chỉ số	- Xét nghiệm sắc ký miễn dịch định tính một cách nhanh chóng thông qua mẫu phẩm nước tiểu người. - Dạng: Card/Khay - Tham số: 5 chỉ số (MET/THC/MDMA/MOP/KET) - Độ nhạy tương quan $\geq 99\%$ - Độ đặc hiệu tương quan $\geq 99\%$ - Độ chính xác tương quan $\geq 99\%$ - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Test	1,000
26	G2-26	Test thử ma túy tổng hợp 5 chỉ số	- Xét nghiệm sắc ký miễn dịch định tính một cách nhanh chóng thông qua mẫu phẩm nước tiểu người. - Dạng: Card/Khay - Test nhanh phát hiện chất gây nghiện ma túy tổng hợp có 5 chỉ số: (AMP/THC/Codein/MOP/Heroin) - Độ nhạy tương quan $\geq 99\%$ - Độ đặc hiệu tương quan $\geq 99\%$ - Độ chính xác tương quan $\geq 99\%$ - TCCL: ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	1,000
27	G2-27	Test nhanh Troponin I	- Test nhanh xác định tình trạng hoại tử cơ tim bằng Troponin I. - Test dạng cassette có thẻ thực hiện trên máu toàn phần, huyết thanh và huyết tương. - Dạng: Card/Khay - Độ nhạy: $\geq 97\%$ - Độ đặc hiệu $\geq 99\%$ - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Test	5,000

28	G2-28	Test nhanh Dengue NS1 Ag	- Định tính phát hiện sự có mặt của kháng nguyên Dengue NS1 trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. - Dạng: Khay - Độ nhạy tương quan: 100%; - Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 98\%$; - Độ chính xác tương quan: 99%. - Ngưỡng phát hiện (LoD): 0.25 ng/mL. - Không phản ứng chéo với các mẫu dương tính HBsAg, H. Pylori Ab, TB, HIV Ab, HAV Ab, HCV, RF, CMV, Malaria Ab, HSV-1, HSV-2. - Không bị gây nhiễu bởi Hemoglobin ở nồng độ 0,67-2 g/L và IgG người ở nồng độ 333-1.000 mg/dL - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Test	4,800
29	G2-29	Test nhanh HBsAg	- Định tính phát hiện kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B trong huyết thanh hoặc huyết tương của người. - Dạng: Card/Khay - Độ nhạy: $\geq 99\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 96\%$ - Độ chính xác: $\geq 98\%$ - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương	Test	5,000
30	G2-30	Oxy lỏng	Hàm lượng Oxy $\geq 99,6\%$.	Kg	72,000
31	G2-31	Khí CO2	Hàm lượng CO2 $\geq 99,6\%$.	Kg	500
Tổng cộng: 31 mặt hàng					